TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01500

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 06/12/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD304 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10169028	NGUYỄN THU	HÀ	DH10GN		Hà	4,7	10	8,0	7,7	7	7
2	10169040	LÊ VĂN	HÙNG	DH10GN		Lyh	4,0	10	7,0	7,0	7	0
3	10169033	TRẦN MINH	HUY	DH10GN		Huy	4,5	10	7,0	7,1	7	1
4	10169005	NGUYỄN HOÀNG	HƯNG	DH10GN		Hưu	3,5	9,0	6,0	6,1	6	1
5	10169039	ĐÀO THIỆN	KHÁNH	DH10GN		[illegible]	4,5	10	7,5	7,4	7	4
6	10169007	HÀ TUẤN	LINH	DH10GN		[illegible]	5,0	9,0	7,5	7,3	7	3
7	10169008	LÊ THỊ NGỌC	LINH	DH10GN		[illegible]	5,5	9,0	8,5	8,0	8	0
8	10169010	LÊ QUANG	NGHĨA	DH10GN		[illegible]	6,5	10	9,0	8,7	8	7
9	10169017	HỒ THẢO	NGUYÊN	DH10GN		[illegible]	6,0	10	7,0	7,4	7	4
10	10169055	LÂM THIÊN	NGUYỆN	DH10GN		[illegible]	4,5	10	3,5	5,0	5	0
11	10169011	HỒ TRẦN THỊ MINH	NGUYỆT	DH10GN		[illegible]	5,5	10	7,0	7,3	7	3
12	10169044	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	DH10GN		[illegible]	4,2	10	5,5	6,1	6	1
13	10169041	LÊ THỊ MỸ	NỮ	DH10GN		Nu	4,0	10	4,5	5,5	5	5
14	10169012	LÊ THANH	SANG	DH10GN		[illegible]	2,5	10	3,5	4,6	4	6
15	10169023	TRẦN QUANG	SANG	DH10GN		Sang	6,0	10	6,5	7,1	7	1
16	10169048	NGUYỄN MINH	TÂM	DH10GN		Tâm	6,0	10	5,0	6,2	6	2
17	10169038	VÕ MINH PHƯƠNG	THẢO	DH10GN		Thảo	2,5	10	4,5	5,2	5	2
~~18~~	~~10169042~~	~~TRẦN THIÊN~~	~~TRANG~~	~~DH10GN~~								

Số bài: 22 ; Số tờ: 22

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: N.V. Kiệp; Trương A Trường

Duyệt của Trưởng Bộ môn: Đỗ Hữu Toàn

Cán bộ chấm thi 1&2: Trần Thị Thanh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01500

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 06/12/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD304 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10169014	LÊ THIỆN	TRUNG	DH10GN			5,0	10	8,5	8,1	8	1
20	~~10169030~~	~~NGUYỄN THIỆN~~	~~TRUNG~~	~~DH10GN~~							0	0
21	10169015	LÊ VĂN	TUẤN	DH10GN			3,0	10	2,5	4,1	4	1
22	10169057	NGUYỄN HOàNG	TUẤN	DH10GN			4,5	9,0	8,0	7,5	7	5
23	10169016	LÊ THỊ NGỌC	VÂN	DH10GN			5,5	10	9,3	9,0	9	0
~~24~~	~~10169047~~	~~VÕ QUỐC~~	~~VŨ~~	~~DH10GN~~							0	0
25	10169031	VŨ THỊ HẢI	YẾN	DH10GN			5,2	10	3,5	5,1	5	1

Số bài: 22 ; Số tờ: 22

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: N.V. Kiệp; Trương Q. Thắng

Duyệt của Trưởng Bộ môn: Đỗ Hữu Toàn

Cán bộ chấm thi 1&2: Trần Thị Thanh

Ngày 16 tháng 12 năm 2011